

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thạch Dương Nhanh.
- Bà Võ Thị Quỳnh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị N, sinh năm 1999 (Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Sơn D, sinh năm 1998 (ông D vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 03 tháng 10 năm 2022, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/12/2022 nguyên đơn bà Kim Thị N trình bày:

Bà Kim Thị N và Sơn D cưới nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Sau khi cưới bà và ông D chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do không hợp

về quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã cùng nhau đến năm 2021 thì ông D về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cùng nhau. Trong thời gian chung sống bà N và ông D có một con chung tên Sơn Tuấn H, sinh ngày 14/5/2020 hiện đang sống cùng bà N. Nay bà N yêu cầu được ly hôn cùng ông D.

- Về con chung: Bà Kim Thị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Tuấn H, sinh ngày 14/5/2020 đến trưởng thành, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Sơn D:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Sơn D vắng mặt không lý do, ông cũng không có ý kiến đối với việc bà Kim Thị N yêu cầu ly hôn cùng ông.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Sơn D chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Sơn D đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông D đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim Thị N và ông Sơn D.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Kim Thị N cho bà Kim Thị N được ly hôn với ông Sơn D; Về con chung tiếp tục giao cháu Sơn Tuấn H, sinh ngày 14/5/2020 cho bà Kim Thị N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con bà Kim Thị N không yêu cầu; Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Kim Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với ông Sơn D đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông D đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim Thị N và ông Sơn D .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị N và ông Sơn D cưới nhau năm 2019 ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2019 ngày 14/01/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị N và ông Sơn D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà N, ông D sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã cùng nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nguyên nhân không hợp quan điểm và cách sống, từ đó vợ chồng không còn tình cảm dẫn đến ông D về nhà cha mẹ ruột ông sống, bà N và ông D đã sống ly thân cùng nhau từ năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông D đã không hạnh phúc dẫn đến bà N và ông D sống ly thân cùng nhau đã lâu mà không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị N.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Kim Thị N và ông Sơn D có 01 đứa con chung tên Sơn Tuấn H, sinh ngày 14/5/2020, hiện đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến trưởng thành. Xét thấy, từ khi bà Kim Thị N và ông Sơn D sống ly thân cùng nhau đến nay thì em Sơn Tuấn H sống chung cùng bà N. Vì vậy nhằm để tránh cuộc sống hiện tại của em Sơn Tuấn H không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của em Hào nên cần tiếp tục giao em Sơn Tuấn H cho bà Kim Thị N được quyền tiếp tục nuôi đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng: Bà Kim Thị N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Kim Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị N được ly hôn với ông Sơn D
2. Về con chung: Giao cho bà Kim Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Sơn Tuấn H, sinh ngày 14/5/2020 đến đủ 18 tuổi; ông Sơn D được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Sơn D không phải cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
5. Về Nợ chung: Không có.
6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Kim Thị N phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005575 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M; bà N đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh S;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiệm

